

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2022

*V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Thái Quang Định và bà Vũ Thị Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Trung Nghĩa - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Uông Bí.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương Linh - kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2022 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thùy A, sinh năm 1994;

- Bị đơn: anh Đỗ Hồng D, sinh năm 1991;

Cùng trú tại tổ 3, khu B, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị Thùy A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Thùy A và anh Đỗ Hồng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, về chung sống đến gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, ngày 21/02/2022, chị Thùy A có đơn đề nghị tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị và anh D.

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nộp đến tòa án, chị Thùy A trình bày quan điểm như sau: Tôi và anh Đỗ Hồng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, sau khi kết hôn về chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh D mãi chơi cờ bạc, hiện hai bên không có tiếng nói chung, tôi đưa con về nhà mẹ đẻ sống từ tết năm 2022 đến nay. Những mâu thuẫn trên đã thật sự sâu sắc, vì vậy tôi đề nghị được ly hôn anh D.

Về con chung: có 01 con chung là Đỗ Minh Nhật (sinh ngày 02/11/2018). Tôi đề nghị được nuôi con chung và anh D phải cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: đề nghị tự thỏa thuận giải quyết.

Chị Thùy A được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng do bận công việc nên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh D đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến.

Qua xác minh tại gia đình, ông Đỗ Hồng Thạch là bố đẻ anh Đỗ Hồng D cung cấp thông tin như sau: Chị Nguyễn Thị Thùy A và anh Đỗ Hồng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, về chung sống đến gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, từ khoảng đầu năm 2022 chị Thùy A đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị Thùy A có đơn đề nghị tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị và anh D, đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật.

Qua xác minh tại địa phương, đại diện khu B, phường P, thành phố Uông Bí cung cấp thông tin như sau: Chị Nguyễn Thị Thùy A và anh Đỗ Hồng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, về chung sống đến gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, nay chị Thùy A có đơn đề nghị tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị và anh D, đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung và tài sản chung: Đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy A;

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho chị Thùy A được ly hôn anh D;

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị Thùy A trực tiếp nuôi dưỡng và anh Hưng phải cấp dưỡng số tiền là 2.000.000 đồng/ tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt lần hai không lý do, vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thùy A và anh Đỗ Hồng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, về chung sống đến gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nay chị Thùy A đề nghị ly hôn với anh D.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân chỉ thật sự đạt được khi xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng chị Thùy A và anh D đã không làm được điều này, hai người đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, hai bên không còn quan tâm đến nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng, anh D đã được tòa án mới đến hòa giải vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử thấy rằng anh Hưng không thật sự tích cực hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị Thùy A.

Sau khi xem xét hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân của chị Thùy A và anh D đã thật sự không thể hàn gắn, tình cảm giữa hai bên đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: có một con chung là Đỗ Minh N (sinh ngày 02/11/2018) hiện sống với chị Thùy A. Chị Thùy A hiện làm tại Công ty TNHH Jinsung Hitec Vina, đảm bảo có công việc nuôi con, anh D không có quan điểm về vấn đề này, vì vậy, việc cháu Nhật cho chị Thùy A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp thực tế, phù hợp quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân Gia đình, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, vì vậy, Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thùy A đề nghị buộc anh D cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 2.000.000 đồng/ tháng.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy A về việc xin ly hôn với anh Đỗ Hồng D.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy A được ly hôn anh Đỗ Hồng D.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Minh N (sinh ngày 02/11/2018) cho chị Nguyễn Thị Thùy A trực tiếp nuôi dưỡng và anh Đỗ Hồng D phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 2.000.000 đồng/ tháng (bằng chữ: hai triệu đồng trên một tháng) đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thùy A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006806 ngày 06/4/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị Nguyễn Thị Thùy A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước. Anh Đỗ Hồng D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng vào ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Nguyễn Thị Thùy A và anh Đỗ Hồng D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND phường P;
- VKSND Tp. Uông Bí;
- Chi cục THADS Uông Bí;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Anh Đức